

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **114/2022/DS-ST**

Ngày: 21 - 9 - 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Thiều Thị Phi Loan.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Hương – Kiểm sát viên..

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 754/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐST-DS ngày 25/7/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 937/2022/QĐST-DS ngày 24/8/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Ông Trần Xuân N, sinh năm 1960.**

**Bà Đặng Thị L, sinh năm 1963.**

Cùng địa chỉ: 34, khu phố 4, phường An Hòa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.

**Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Kim Dung, sinh năm 1963.**

Địa chỉ: D4, cư xá Tỉnh Ủy, khu phố 1, phường Quyết Thắng, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 1966.**

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 4, phường An Hòa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phan Thị Bích P, sinh năm 1991.**

Nơi đăng ký HKTT: Ấp 2, xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: Tổ 9, đường Nguyễn Du, thị trấn Ngã Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*(Bà Dung có mặt còn ông H và chị P vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Kim Dung trình bày:**

Vào các ngày 24/9/2019 và 08/11/2019, ông Phan Văn H (là chủ doanh nghiệp tư nhân sửa chữa Phương Khánh H) đã 2 lần vay tiền của ông N và bà L với tổng số tiền là 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) bao gồm 02 giấy vay mượn tiền, mỗi giấy vay số tiền là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

Khi vay ông H đã viết giấy thỏa thuận vay tiền có đóng dấu xác nhận Doanh nghiệp tư nhân sửa chữa Phương Khánh H do ông H đang là chủ doanh nghiệp trên. Cùng đứng tên chung trong giấy thỏa thuận vay mượn tiền có con gái của ông H là chị Phan Thị Bích P, theo thỏa thuận khi nào cần thu hồi ông N, bà L sẽ báo trước 01 tháng. Lãi suất do hai bên tự thỏa thuận miệng là 6%/tháng.

Ông H đã trả tiền lãi cho ông N và bà L được 8 tháng đến tháng 02/2020 với tổng số tiền là 48.000.000đ (*bốn mươi tám triệu đồng*) thì ngưng không đóng lãi nữa. Ngày 02/8/2020, chị Phan Thị Bích P có viết giấy yêu cầu ông N và bà L cho thay đổi nội dung trong giấy thỏa thuận vay mượn tiền chuyển toàn bộ số tiền vay trên thành số tiền nợ của riêng ông H để một mình ông H chịu trách nhiệm trả, chị P không có trách nhiệm cùng chung trả. Ngày 03/8/2020, ông H đã viết giấy đề nghị ông N và bà L cho ông H nhận trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ trên, không buộc chị P cùng có trách nhiệm trả nợ. Yêu cầu của ông H và chị P đã được ông N và bà L đồng ý. Kể từ ngày 03/8/2020 thì số tiền vay theo hai giấy thỏa thuận vay mượn tiền trở thành số nợ của riêng ông H, chị P không còn trách nhiệm đối với số nợ trên.

Sau khi làm giấy thỏa thuận xác định ông H là người phải chịu trách nhiệm trả đối với toàn bộ số tiền vay, ông H đã không thực hiện việc trả nợ cho ông N, bà L; mặc dù ông N, bà L đã nhiều lần yêu cầu ông H phải hoàn trả số tiền đang nợ, nhưng ông H vẫn không trả. Nay ông N, bà L yêu cầu căn cứ vào hai giấy thỏa thuận vay mượn tiền và các giấy yêu cầu của chị P và ông H về việc xin xác định trách nhiệm trả nợ của ông H để buộc ông Phan Văn H phải trả cho ông N, bà L số tiền đang nợ bao gồm tiền nợ gốc 168.000.000 đồng (*một trăm sáu mươi tám triệu đồng*) và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 03/8/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 21/9/2022, bao gồm:

- Tiền gốc 168.000.000 đồng (*một trăm sáu mươi tám triệu đồng*). Về số nguồn gốc số tiền 168.000.000 đồng (*một trăm sáu mươi tám triệu đồng*) được các bên xác định trong giấy thỏa thuận ngày 03/8/2022 giữa ông N, bà L và ông H là vì: Trong số tiền 48.000.000 đồng (*bốn mươi tám triệu đồng*) ông H và chị P đã trả lãi trước đây thì ông N, bà L đã đồng ý căn trừ 32.00.000 đồng

(ba mươi hai triệu đồng) vào 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tiền gốc, còn lại số tiền gốc 168.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu), điều này các bên đã thỏa thuận và viết giấy thỏa thuận ngày 03/8/2020, có chữ ký của ông N và ông H. Còn lại 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) được căn trừ vào tiền lãi mà ông N, bà L yêu cầu ông H trả lãi tính từ ngày 03/8/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 21/9/2022 (đối với khoảng thời gian vay từ ngày 24/9/2019 cho đến ngày 02/8/2020 thì ông N, bà L không yêu cầu tính lãi suất).

- Tiền lãi tính từ ngày 03/8/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 21/9/2022 theo mức lãi suất 20%/năm tính được làm tròn là 25 tháng x 1,66% x 168.000.000 đồng = 69.720.000 đồng. Căn trừ vào số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) trước đây ông H, chị P đã đóng lãi được chuyển qua, còn lại: 53.720.000 đồng tiền lãi.

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 168.000.000 đồng + 53.720.000 đồng = 221.720.000 đồng (Hai trăm hai mươi một triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Do số nợ này ông H và chị P đã thỏa thuận với ông N, bà L là ông H sẽ chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền trên, chị P không có trách nhiệm trả nên ông N, bà L chỉ yêu cầu một mình ông H phải trả. Ông N, bà L không yêu cầu chị P có trách nhiệm cùng trả.

- **Bì đơn ông Phan Văn H trình bày:** Vào các ngày 24/9/2019 và 08/11/2019 con gái ông là Phan Thị Bích P có vay tiền ông N, bà L với số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), lãi suất 6%/tháng, khi vay tiền ông có ký vào bên vay (bên B), tuy nhiên thực chất ông chỉ đứng ra làm chứng cho việc vay tiền, có đóng một Doanh nghiệp tư nhân sữa chữa Phương Khánh H để làm tin cho ông N, bà L mới cho con gái ông vay tiền.

Sau khi vay tiền thì do dịch bệnh Covid – 19 kéo dài, con gái ông làm ăn thất bại nên không có khả năng trả nợ cho ông N và bà L. Chỉnh vì vậy, vào ngày 03/8/2020 ông có viết giấy xin chịu trách nhiệm sẽ đứng ra nhận trả nợ thay cho con gái. Tuy nhiên, thời điểm đó ông N, bà L không đồng ý. Quá trình từ khi vay tiền cho đến tháng 2/2020 con gái ông đã trả được cho ông N, bà L số tiền lãi 8 tháng (tương đương 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng)). Nay ông N, bà L yêu cầu ông trả số tiền gốc 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật thì ông không đồng ý. Ông yêu cầu chị P có trách nhiệm trả nợ, ông không liên quan đến số nợ trên.

Đối với việc đóng dấu một của DNTN sữa chữa Phương Khánh H thì ông đóng để làm tin, ông đứng ra làm chứng vay tiền cho con gái là trên tư cách cá nhân chứ không liên quan đến Doanh nghiệp tư nhân sữa chữa Phương Khánh H. Việc vay mượn tiền cũng không liên quan đến con rể ông

anh Lê Văn Hạ. Anh Lê Văn Hạ chỉ đứng ra ký là người làm chứng trong giấy vay tiền.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Bích P trình bày:**

Vào các ngày 24/9/2019 và 08/11/2019 chị có nhờ bố chị (ông Phan Khánh H) đứng ra ký vào bên vay tiền (bên B) vay ông N, bà L với số tiền là 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*), lãi suất 6%/tháng. Vì ông N, bà L yêu cầu phải có ông H ký vào bên vay mới đồng ý cho chị vay tiền. Sau khi vay tiền chị đã trả được cho ông N, bà L số tiền lãi đến tháng 2/2020 là 8 tháng tương đương là 48.00.000 đồng (*bốn mươi tám triệu đồng*). Sau đó thì ngưng không đóng nữa cho đến nay.

Sau khi vay tiền do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 kéo dài, chị làm ăn thất bại, không trả được nợ cho ông N, bà L. Vào ngày 02/8/2020, ông N, bà L xuống nhà chồng chị tại Bà Rịa – Vũng Tàu đòi nợ và yêu cầu chị viết giấy yêu cầu ông H đứng ra trả nợ thay, do đó chị đã viết giấy yêu cầu ông N và bà L cho thay đổi nội dung trong giấy thỏa thuận vay mượn tiền chuyển toàn bộ số tiền vay trên thành số tiền nợ của ông H để một mình ông H chịu trách nhiệm trả, chị không có trách nhiệm cùng chung trả. Ngày 03/8/2020, ông H đã viết giấy đề nghị ông N và bà L cho ông H nhận trách nhiệm trả toàn bộ số tiền trên không buộc chị cùng có trách nhiệm trả nợ. Tuy nhiên, thời điểm đó ông N, bà L không đồng ý.

Nay chị đồng ý trả cho ông N, bà L số tiền gốc 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) và không đồng ý trả tiền lãi suất. Chị xác định số nợ trên là của chị, chị không yêu cầu ông H có trách nhiệm cùng trả. Việc chị vay tiền không liên quan đến chồng chị anh Lê Văn Hạ, chồng chị chỉ là người làm chứng mà thôi. Chị vay tiền là để làm ăn riêng, không liên quan đến chồng chị.

**- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, H đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định pháp luật.

Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị H đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Phan Văn H có nghĩa vụ trả

cho ông Trần Xuân N, bà Đặng Thị L số tiền nợ gốc là 168.000.000 đồng (*một trăm sáu mươi tám triệu đồng*) và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài L có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, H đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy bị đơn là ông Phan Văn H có địa chỉ và hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố B. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

- Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, trong đó tiền nợ gốc là 168.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 03/8/2020 cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án (theo mức lãi suất 20%/năm tương đương 1,66%/tháng). Do đó, H đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Phan Văn H đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phan Thị Bích P có đơn xin xét xử vắng mặt nên H đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Việc ông N, bà L có cho ông H, bà P vay 02 lần (vào các ngày 24/9/2019 và 08/11/2019) với tổng số tiền vay là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*); lãi suất các bên thỏa thuận là 6%/tháng và quá trình vay thì bà P đã trả được cho ông N, bà L số tiền 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*) là có thật. Điều này đều được các bên thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên giữa các bên không thống nhất được với nhau về trách nhiệm trả nợ và lãi suất vay.

[3.1] Đối với yêu cầu về trách nhiệm trả nợ vay: Ông H cho rằng việc ông dùng dấu mộc của DNTN sữa chữa Phương Khánh H đóng và ký tên vào 02 giấy thỏa thuận thỏa thuận vay mượn tiền (ngày 24/9/2019 và ngày 08/11/2019) đại diện bên vay (bên B) chỉ là với tư cách người làm chứng để ông N, bà L tin tưởng cho con gái ông là Phan Thị Bích P vay tổng số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) chứ ông không phải người vay tiền và cũng không liên quan gì đến Doanh nghiệp tư nhân sữa chữa Phương Khánh H. Bà P thừa nhận lời trình bày trên của ông H và xác định bà chính là người vay và sử dụng số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) vay của

ông N, bà H. Bà P nhận trách nhiệm trả nợ đã vay cho ông N, bà L nhưng không đồng ý trả lãi.

Tuy nhiên, tại các giấy thỏa thuận vay mượn tiền ngày 24/9/2019 và 08/11/2019 đều thể hiện: *“Bên cho vay (bên A) là ông Trần Xuân N, bà Đặng Thị L còn Bên vay (bên B) là ông Phan Văn H (còn đóng dấu mộc của DNTN sửa chữa Phương Khánh H), bà Phan Thị Bích P vay tổng số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Các bên cùng ký tên vào các giấy thỏa thuận vay mượn tiền này”*.

Sau đó vào ngày 02/8/2020, bà P có viết giấy thỏa thuận với ông N, bà L thể hiện nội dung: *“Con tên Phan Thị Bích P, bố con là Phan Văn H có đứng ra vay cho vợ chồng con số tiền 200.000.000 đồng của vợ chồng bác N và bác L. Nay vợ chồng con làm ăn không được, thất bại nên bố con phải đứng ra trả nợ cho vợ chồng bác N. Từ ngày hôm nay bố có trách nhiệm gửi lại số tiền trên cho bác N”*

Đến ngày 03/8/2020, ông H lại viết giấy thỏa thuận có nội dung: *“Tôi đứng tên dưới đây là Phan Văn H, con gái tôi là Phan Thị Bích P, con rể tôi là Lê Văn Hạ. Hai con tôi mượn tiền của bác N, cô L số tiền 200.000.000 đồng..... Nay con tôi hết khả năng đóng lãi nữa nên cho tôi chịu trả lại số tiền vốn”*.

Như vậy cả ông H và bà P đều phải có trách nhiệm trả nợ vay cho ông N, bà L. Nay ông N, bà L căn cứ vào giấy thỏa thuận ngày 03/8/2020 (*có ông H và ông N ký tên – BL số 54d*) chỉ yêu cầu buộc một mình ông Phan Văn H là người phải chịu trách nhiệm về nghĩa vụ trả nợ vay với số tiền nợ gốc 168.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi tám triệu đồng*). Xét đây là quyền của nguyên đơn được quy định tại khoản 1 Điều 288 Bộ luật Dân sự 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu về trả nợ gốc và lãi suất vay: Các bên đều đã thừa nhận khi vay tiền có thỏa thuận về lãi suất vay là 6%/tháng (*trên tổng số tiền vay*). Thỏa thuận này là trái quy định về lãi suất vay được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án ông H, bà P cho rằng trong quá trình vay đã trả được cho ông N, bà L 06 tháng tiền lãi (*theo thỏa thuận là 6%/tháng*) với tổng số tiền là 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*). Ông N, bà L cũng thừa nhận ông H, bà P đã trả được tổng số tiền 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*) nhưng trong đó chỉ có 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*) là trả lãi còn 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*) là trả vào nợ gốc nên nợ gốc mới còn lại 168.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi tám triệu đồng*). Điều này được thể hiện tại giấy thỏa thuận ngày 03/8/2020 (*có ông H và ông N ký tên – BL số 54d*).

Do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết (*tại giấy thỏa thuận ngày 03/8/2020 – BL số 54d*) nên ông N, bà L yêu cầu buộc ông H trả tiền lãi

đối với số tiền gốc còn nợ 168.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi tám triệu đồng*) kể từ ngày 03/8/2020 cho đến ngày xét xử (ngày 21/9/2022) được tính làm tròn là 25 tháng, theo mức lãi suất 20%/năm. Cụ thể: 168.000.000 đồng x 25 tháng x 1,66% = 69.720.000 đồng và trừ đi số tiền 16.000.000 đồng lãi trước đây bên vay đã đóng, còn lại: 53.720.000 đồng (*Năm mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng*). Xét yêu cầu này của ông N, bà L phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất vay được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là có căn cứ nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên căn cứ theo quy định tại các Điều 280, 288, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, cũng như ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát: H đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phan Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Xuân N, bà Đặng Thị L tổng cộng số tiền là 221.720.000 đồng (*Hai trăm hai mươi một triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng*). Trong đó: Tiền nợ gốc là 168.000.000 đồng (*một trăm sáu mươi tám triệu*) và tiền lãi là 53.720.000 đồng (*Năm mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

[4] Về án phí: Ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả ông N, bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Lời phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của H đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228 và 235 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 280, 288, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc H quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân N, bà Đặng Thị L.

Buộc ông Phan Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Xuân N, bà Đặng Thị L tổng cộng số tiền là 221.720.000 đồng (*Hai trăm hai mươi một triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng*). Trong đó: Tiền nợ gốc là 168.000.000 đồng (*một trăm sáu mươi tám triệu*) và tiền lãi là 53.720.000 đồng (*Năm mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Phan Văn H phải nộp 11.086.000 đồng (*Mười một triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị L số tiền 3.375.000 đồng (*Ba triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000790 ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**TM. H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân TP B;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP B;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

**Trần Thị Thúy**



## **H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**H thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

